

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 117/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ân.

Ông Phạm Công Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981.

ĐKKHKT: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2018, bản tự khai ngày 13/8/2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Nguyên vào năm 2003, qua thời gian tìm hiểu và được sự cho phép của gia đình hai bên, chị và anh Phan Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/12/2003. Cuộc sống giữa vợ chồng anh chị thời gian đầu hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Thế nhưng, từ đầu năm 2018, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tại tình cảm giữa chị và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị quyết định xin ly hôn với anh T. Trong quá trình chung

sống chị và anh T có một người con chung là Phan Văn Gia D, sinh ngày 06/4/2005. Chị để cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng cho con.

Chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu Tòa án hòa giải xét xử vắng mặt ngày 16/8/2018, bị đơn là anh Phan Văn T trình bày:

Anh và chị H chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Hôn nhân của anh chị xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc nhưng sau đó anh phát hiện chị H chung sống với người đàn ông khác. Anh bỏ qua và khuyên chị H thay đổi nhưng chị H không thay đổi mà nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ. Vợ chồng anh có một người con chung là Phan Văn Gia D. Anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt anh. Anh không có thắc mắc, khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, chị H trình bày chị và anh T sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Khi chị ở nhà, không có thu nhập thì vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, khi chị đi làm thì anh T không tin tưởng, hay nghi ngờ chị có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Mâu thuẫn ngày càng nhiều nên chị và anh T ly thân cách nay một năm. Trong thời gian ly thân, anh T thường nhắn tin với những nội dung xúc phạm chị. Vì vậy, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung, tuy cháu D có nguyện vọng được sống với chị nhưng hiện tại chị chưa sắp xếp, ổn định được cuộc sống và cháu D đang đi học nên trong thời gian này cháu D tiếp tục sống với anh T thì sẽ đảm bảo cho cuộc sống cũng như việc học tập của cháu. Vấn đề này giữa chị và anh T cũng thống nhất.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Chị H, anh T thực đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh T về việc anh T trực tiếp nuôi cháu Phan Văn Gia D, sinh ngày 06/4/2005 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên, không ai được cản trở.

Cha mẹ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi .

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết về việc ly hôn với anh Phan Văn T. Anh T là bị đơn trong vụ án cư trú tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Anh Phan Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn T chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo cho anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị H và anh T đoàn tụ. Tuy nhiên anh T có đơn xin vắng mặt.

Theo chị H trình bày, từ đầu năm 2018, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau và ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Theo anh T trình bày do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên xin ly hôn với anh nên anh không đồng ý ly hôn vì còn thương chị H.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và biên bản xác minh ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Từ thời gian phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, vợ chồng anh chị không cải thiện được tình cảm để kéo dài đời sống chung. Hiện anh chị không có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H để giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có một người con chung tên Phan Văn Gia D, sinh ngày 06/4/2005. Hiện cháu D đang sống với anh T và đang học tập tại địa phương. Tuy cháu D có nguyện vọng được sống với chị H nhưng chị H và anh T đều thống nhất anh T là người trực tiếp nuôi con. Nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa chị H và anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

Đối với việc cấp dưỡng cho con: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do anh T không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu D nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H và anh T cùng khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp (do anh Nguyễn Hoàng L nộp thay) là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Chị H và anh T có một người con chung tên Phan Văn Gia D, sinh ngày 06/4/2005.

Anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh T.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

Anh T có quyền yêu cầu chị H thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và có quyền yêu cầu chị H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H và anh T cùng khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp (do anh Nguyễn Hoàng L nộp thay) là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018265 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền